

Bản án số: 325/2024/KDTM-ST

Ngày: 30/10/2024

V/v “*Tranh chấp HĐ dịch vụ*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thụy Hồng Châu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thảo

Bà Hoàng Thị Kim Yến

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Phan Thị Ngọc Mỹ, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 132/2024/TLST-KDTM ngày 17 tháng 7 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 757/2024/QĐXXST-KDTM ngày 23 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 469/2024/QĐST-KDTM ngày 13 tháng 9 năm 2024 và ngày 30 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần P. Địa chỉ trụ sở: Văn phòng 02 tầng 8, Tòa nhà P, số E Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Triệu Thị Ngọc G, sinh năm 1989. Địa chỉ: F P, Phường G, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 0507/2024/PRO-GUQ) (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Công ty Cổ phần D. Trụ sở: E Đồng Nai, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật:

1. Ông Nguyễn Anh K, sinh năm 1990; Thường trú: Tổ D, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

2. Ông Phùng Khắc H, sinh năm 1987; Thường trú: B T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, các bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Triệu Thị Ngọc G trình bày:

Được các đối tác giới thiệu, Công ty cổ phần P (gọi tắt là Công ty P) đã ký kết với Công ty cổ phần D (Công ty D có tên thường gọi khi giao dịch là Công ty S 60 nên gọi tắt là Công ty S) Hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ chuyển phát số HĐVC-Ship60Proship-20210806 ký ngày 21/6/2021 và các Phụ lục 1 (Bảng cước dịch vụ chuyển phát), Phụ lục 2 (Cam kết chỉ tiêu chất lượng dịch vụ), Phụ lục 3 (Chính sách bồi thường hàng hóa), Phụ lục 4 (Quy trình làm việc với cơ quan nhà nước) trong quá trình vận chuyển hàng hóa với mục đích cung cấp các dịch vụ nhận gửi, lựa chọn phương thức vận chuyển và thực hiện chuyển phát các loại dịch vụ: Chuyển phát thư, bưu kiện, kiện, nhận, gửi hàng hóa, phát hàng và thu hộ tiền hàng từ các khách hàng của Công ty P.

Trong quá trình Công ty P sử dụng dịch vụ của Công ty S 60, do sự tin tưởng, Công ty P có yêu cầu Công ty S 60 cung cấp dịch vụ giao phát hàng cho khách hàng và thu hộ tiền hàng. Tính đến ngày 10/4/2023, tổng tiền hàng thu hộ mà Công ty S 60 đã thực hiện thu hộ thành công từ khách hàng của Công ty P là 388.478.000 đồng. Số tiền cước vận chuyển phát sinh mà Công ty P phải trả cho Công ty S 60 là 51.392.880 đồng.

Sau khi trao đổi và thỏa thuận, cả hai bên đồng ý việc sẽ căn trừ công nợ từ cước vận chuyển của Công ty P vào tiền hàng được thu hộ bởi Công ty S 60 và tiến hành ký kết “Biên Bản đối trừ và xác nhận công nợ” vào ngày 10/4/2023 với số tiền mà Công ty S 60 còn phải trả lại cho Công ty P là 337.085.120 đồng. Đến ngày 15/02/2024 Công ty S 60 chỉ mới thanh toán cho Công ty P số tiền 28.000.000 đồng và ngưng không thanh toán tiếp. Ngày 13/5/2024, Công ty P thông báo cho Công ty S 60 dư nợ còn thiếu Công ty P gồm 309.085.120 đồng. Phạt chậm trả từ ngày 11/4/2023 đến ngày 31/12/2023 là 2.586.589 đồng (mức lãi phạt 1%/năm). Tổng tiền mà Công ty S 60 phải trả cho Công ty P là 311.671.709 đồng.

Kể từ ngày 15/2/2024 đến ngày 21/5/2024, Công ty P đã thực hiện liên hệ qua số điện thoại, đến làm việc trực tiếp tại trụ sở chính, gửi email yêu cầu thanh toán qua hộp thư điện tử, chuyển phát thư yêu cầu thanh toán qua đường bưu điện nhưng vẫn không nhận được bất kỳ phản hồi nào từ Công ty S. Do đó, Công ty Cổ phần P khởi kiện Công ty Cổ phần D, (Công ty S) yêu cầu thanh toán số tiền còn thiếu 311.671.709 đồng.

Bị đơn Công ty Cổ phần D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải và tham gia phiên toà tại địa chỉ trụ sở Công ty và địa chỉ cư trú của 02 người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Anh K và ông Phùng Khắc H nhưng bị đơn vắng mặt và không có văn bản phản hồi ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn Công ty Cổ phần P là bà Triệu Thị Ngọc Giàu C đơn đề nghị xét xử vắng mặt và trình bày yêu cầu buộc Công ty Cổ phần D thanh toán cho Công ty Cổ phần P số tiền còn nợ chưa thanh toán tính đến ngày 13/5/2024 là 311.671.709 đồng. Công ty P không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền phạt và tiền lãi chậm trả.

Bị đơn Công ty Cổ phần D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Về việc thực hiện thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quá trình diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Nhận thấy giữa Công ty P và Công ty S 60 có ký hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ chuyển phát nhưng lại đóng dấu chi nhánh của 02 Công ty trên hợp đồng nên hợp đồng bị vô hiệu. Trong quá trình thực hiện hợp đồng các bên đã ký biên bản đối trừ công nợ mặc dù biên bản đối trừ và xác nhận công nợ phía bị đơn không đóng đúng dấu Công ty S 60 do bị đơn có kinh doanh nhiều công ty nên có sự nhầm lẫn khi đóng dấu (theo biên bản làm việc ngày 10/5/2024 với ông Nguyễn Anh K, đại diện theo pháp luật Công ty S). Đồng thời, tại email trao đổi giữa 02 Công ty cũng thể hiện Công ty S còn nợ Công ty P 388.478.000 đồng, căn trừ công nợ giữa 2 Công ty là 51.392.880 đồng. Sau đó Công ty S có thanh toán thêm 28.000.000 đồng, còn nợ gốc 309.085.120 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán số tiền gốc còn nợ là 309.085.120 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Công ty Cổ phần P có đơn khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ với Công ty cổ phần D. Đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có trụ sở tại số E Đồng Nai, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của các đương sự:

Nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là bà Triệu Thị Ngọc Giàu C đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Bị đơn Công ty Cổ phần D. Địa chỉ trụ sở: E Đồng Nai, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật là ông

Nguyễn Anh K, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ D, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng và ông Phùng Khắc H, sinh năm 1987. Địa chỉ: B T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa đối với bị đơn tại trụ sở Công ty và tại địa chỉ của 02 đại diện theo pháp luật nhưng bị đơn vắng mặt.

Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền còn nợ 311.671.709 đồng như sau:

Căn cứ vào đơn khởi kiện, bản tự khai và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn xuất trình đã được công khai tại biên bản công khai chứng cứ ngày 08/8/2024 và Thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ ngày 23/8/2024 thì Công ty Cổ phần P và Công ty Cổ phần D (Công ty S) có ký kết Hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ chuyển phát số HĐVC-Ship60Proship-20210806 ngày 21/6/2021 nhưng tại trang cuối hợp đồng lại đóng dấu chi nhánh của 02 Công ty. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên có thỏa thuận Công ty S 60 thực hiện thêm dịch vụ thu hộ tiền hàng hoá cho Công ty P. Ngày 10/4/2024, hai Công ty nguyên đơn và bị đơn tiến hành lập biên bản đối trừ và xác nhận công nợ trong đó Công ty S còn nợ Công ty P 337.085.120 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 143 Bộ luật dân sự 2015 qui định “*Hậu quả của giao dịch dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện vượt quá phạm vi đại diện không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ, trừ trường hợp: b) người đại diện biết mà không phản đối trong một thời hạn hợp lý*”. Trong vụ án này, mặc dù hợp đồng đóng dấu của chi nhánh 02 công ty nguyên đơn và bị đơn nhưng sau đó hai bên đã tiến hành ký Biên bản đối trừ và xác nhận công nợ và ngày 10/4/2024. Tại biên bản làm việc ngày 10/10/2024 ông Nguyễn Anh K (đại diện theo pháp luật của Công ty S) xác nhận có ký biên bản công nợ ngày 10/4/2024 và xác nhận phía bị đơn không đóng đúng dấu Công ty S 60 do bị đơn có kinh doanh nhiều công ty nên có sự nhầm lẫn khi đóng dấu. Như vậy, mặc dù hợp đồng đã ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn đóng dấu chi nhánh của 02 Công ty nhưng sau đó trong quá trình thực hiện hợp đồng đại diện hợp pháp của 02 Công ty nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện việc đối trừ và xác nhận công nợ nên hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ chuyển phát giữa Công ty P và Công ty S 60 vẫn có hiệu lực và phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên.

Sau đó ngày 15/01/2024 và ngày 15/02/2024, Công ty S 60 có thanh toán cho Công ty P tổng cộng 28.000.000 đồng và ngưng không thanh toán tiếp. Ngày 13/5/2024, Công ty P có thông báo và gửi email cho Công ty S 60 thông báo dư nợ còn thiếu Công ty P gồm 309.085.120 đồng, phạt chậm trả từ ngày 11/4/2023 (ngày ký biên bản xác nhận công nợ 10/4/2024) đến ngày 31/12/2023 là 2.586.589 đồng (mức lãi suất phạt chậm trả 1%/năm) theo đúng điều 6 hợp đồng quy định việc phạt chậm trả, tổng cộng số nợ là 311.671.709 đồng.

Căn cứ các email trao đổi về công nợ giữa Công ty P và Công ty S 60 vào các ngày 14/5/2024, 21/5/2024 và ngày 23/5/2024, biên bản phiên họp công khai chứng cứ ngày 8/8/2024, thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ ngày 23/8/2024, giấy triệu tập tham gia phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, đã được tổng đạt hợp lệ cho bị đơn tại địa chỉ trụ sở Công ty (niêm yết) và tại địa chỉ cư trú của 02 người đại diện theo pháp luật Công ty S 60 là ông Nguyễn Anh K và ông Phùng Khắc H (tổng đạt trực tiếp và tổng đạt qua người nhà) nhưng Công ty S không có mặt, không cử người đại diện ủy quyền và không gửi ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty P cho thấy Công ty S đã biết số nợ còn thiếu Công ty P và không phản đối.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền còn thiếu là 311.671.709 đồng theo qui định tại Điều 85 và Điều 87 Luật thương mại.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 15.583.585 đồng. H1 tạm ứng án phí cho Nguyên đơn Công ty Cổ phần P.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 143 Bộ luật dân sự 2015;

Điều 74, Điều 85, Điều 87, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

Điều 26 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty Cổ phần D có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần P số tiền còn nợ **311.671.709 đồng** (bằng chữ: *Ba trăm mười một triệu, sáu trăm bảy mươi một nghìn, bảy trăm lẻ chín đồng*) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty Cổ phần P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần D chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng Công ty Cổ phần D còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần D phải chịu án phí sơ thẩm là 15.583.585 (mười lăm triệu năm trăm tám mươi ba nghìn năm trăm tám mươi lăm) đồng.

H1 tạm ứng án phí cho Công ty Cổ phần P số tiền 7.791.793 (bảy triệu bảy trăm chín mươi một nghìn bảy trăm chín mươi ba) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002139 ngày 17/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Thi hành toàn bộ bản án tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:

- TANDTP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thụy Hồng Châu

